

Listen and draw lines (Nghe và nối tranh với từ thích hợp)



hockey

tennis

badminton

basketball

table tennis

volleyball

Listen and fill in the blanks (Nghe và viết từ thích hợp)

can; can't; Yes; No

Grace: Lucy, can you play badminton?
Lucy: Yes, I , Grandma.

Alfe: Hey Tom, can you play tennis?
Tom: No, I .

Grace: Mai, can you play table tennis?
Mai: , I . I love table tennis.

Grace: Alfe, can you play basketball?
Alfe: , I .

Listen and draw lines (Nghe và nối tranh với từ thích hợp)



jump

hit

run

throw

catch

kick

Listen and fill in the blanks (Nghe và viết từ thích hợp)

jump; run; throw; hit

James: What can you do, Mai?

Mai: I can .

James: What can you do, Tom?

Tom: I can .

James: What about you, Lucy?

Lucy: I can the ball. See?

James: Alfe, what can you do?

Alfe: I can the ball.